

VỀ NHỮNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG CHĂN NUÔI LỢN HIỆN NAY

TRỊNH VĂN THỊNH

Ngành chăn nuôi sản xuất lợn xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm đạt những chỉ tiêu ngày càng cao về năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm; thể hiện tính chất tập trung, thâm canh, chuyên canh, làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa của nền nông nghiệp sản xuất lớn. Vì vậy, kế hoạch sản xuất nông nghiệp hằng năm và dài hạn, bên cạnh những chỉ tiêu về năng suất, sản lượng... phải có những chỉ tiêu về "tiến bộ kỹ thuật" (1) nhằm bảo đảm thực hiện những chỉ tiêu về sản xuất.

Về chăn nuôi lợn, Nghị quyết hội nghị lần thứ 22 Ban chấp hành trung ương Đảng có đoạn nói... « Nhà nước cần phát triển các cơ sở sinh sản giống, xây dựng các cơ sở chế biến thức ăn gia súc, tổ chức tốt hệ thống thú y ».

Kế hoạch chăn nuôi lợn năm 1974 — 1975 đặt ra những mục tiêu phấn đấu khá cao về phát triển đàn lợn và tăng chất lượng đàn lợn, trước hết là tăng trọng lượng lợn thịt ra chuồng, hạ giá thành sản xuất một kilôgam thịt. Muốn thực hiện kế hoạch, ngoài những biện pháp khác, phải ra sức tổ chức áp dụng rộng rãi những tiến bộ kỹ thuật chủ yếu nhất vào ngành chăn nuôi lợn: sản xuất và chế biến thức ăn, phát triển các cơ sở giống, tổ chức tốt hệ thống thú y, như Nghị quyết 22 đã vạch rõ.

I — PHÁT TRIỂN NHANH ĐÀN LỢN, TĂNG NĂNG SUẤT CHĂN NUÔI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HẠ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Về tốc độ phát triển, trong thời gian qua, đàn lợn của ta tăng bình quân từ 2 đến 5% hằng năm, như thế là chậm. Trong thời gian tới, theo những khả năng sản xuất về sinh vật học và về kinh tế của lợn, chúng ta phải đưa tốc độ phát triển hằng năm lên khoảng từ 9 đến 10%, đó là tốc độ phát triển trung bình của những nước có ngành chăn nuôi khá.

Năng suất sinh sản của lợn nái của ta hiện nay còn thấp: bình quân đẻ 1,5 lứa một năm, nuôi sống đến cai sữa 6 con một lứa; như thế việc nuôi lợn nái lỗ vốn và không có đủ lợn con giống để phát triển đàn lợn với tốc độ nhanh. Trong vài năm tới, chúng ta phải đưa năng suất sinh sản của lợn nái tiến thêm một bước, ví dụ bình quân đẻ 1,8 lứa một năm, nuôi sống đến cai sữa 8 con một lứa.

Lợn thịt của ta hiện nay mới đạt trọng lượng ra chuồng (vào 12 tháng tuổi hay có khi nuôi dài hơn nữa) bình quân khoảng 40 kg; như thế, không những trọng lượng khi mổ thịt quá thấp, mà một năm chưa quay được một vòng lợn thịt (số lợn thịt ra chuồng hằng năm chưa bằng số lợn có mặt tại chuồng), giá thành một kilôgam thịt lợn quá cao mà sản lượng thịt lợn hàng hóa quá ít. Trong vài năm tới, phải đưa trọng lượng bình quân lợn ra chuồng lên ít nhất 50 kg, mà chỉ phải nuôi khoảng 10 tháng tuổi; như thế, trừ hai tháng bú sữa, phải nuôi 8 tháng, một năm quay vòng

(1) « Tiến bộ kỹ thuật » — Khoa học tiên tiến áp dụng vào sản xuất được cụ thể hóa bằng những biện pháp kỹ thuật tiên bộ.

được 1,5 lứa lợn thịt, số lợn thịt ra chuồng hằng năm sẽ bằng 1,5 lần số lợn có mặt tại chuồng.

Trên những diện tích đất dành để sản xuất thức ăn nuôi lợn, với những cây thức ăn hiện tại, chủ yếu là các loại rau, bèo ở nước, với kỹ thuật canh tác hiện tại, năng suất trên một hecta một năm mới đạt khoảng 5.000 đơn vị thức ăn, với 50 g đạm tiêu hóa trong đơn vị; nếu tính theo mức chi phí thức ăn hiện tại (mức trung bình khá là chi phí cho một kilôgam tăng trọng 4,5 đơn vị thức ăn tinh, 1,5 đơn vị thức ăn thô) thì một hecta đất trồng cây thức ăn mới sản xuất được khoảng 800 kg thịt lợn hơi một năm. Trong vài năm tới, trên những diện tích đất dành để sản xuất thức ăn nuôi lợn, với những loại cây trồng và những chế độ luân canh mới, với kỹ thuật thâm canh cao đối với tất cả các cây, phải đạt năng suất: một hecta sản xuất khoảng 10.000 đơn vị một năm, với 80 g đạm tiêu hóa trong đơn vị, tức là một hecta một năm sản xuất được khoảng 1.500 kg thịt lợn hơi.

Hiệu quả kinh tế chăn nuôi không chỉ tính bằng trọng lượng bình quân của một con lợn thịt khi ra chuồng, mà còn phải tính bằng giá thành một đơn vị sản phẩm (ví dụ giá thành 1 kg thịt hơi). Giá thành một kilôgam thịt là hiệu quả tổng hợp của nhiều loại chi phí sản xuất trong một thời gian nuôi nhất định (thời gian nuôi càng ngắn thì chi phí sản xuất càng hạ), bao gồm: chi phí về thức ăn, giống, chuồng trại, công cụ (chuồng trại và công cụ thì phải khấu hao), lao động, quản lý (cho ăn, chăm sóc, vệ sinh phòng bệnh, thuốc phòng bệnh,...) cho một đôi lợn. Trong các khoản chi phí đó, thức ăn thường chiếm khoảng 70%; do đó, năng suất chăn nuôi chủ yếu là hiệu suất chuyển hóa thức ăn thành thịt theo một chỉ số chi phí thức ăn thấp nhất trong thời gian nuôi ngắn nhất. Hiện nay, muốn sản xuất một kilôgam thịt lợn hơi, với giống lợn ỉ của ta, phải mất khoảng 5,5 đơn vị thức ăn tinh và 2 đơn vị thức ăn thô (tức là 7,5 đơn vị); lại phải nuôi đến 12 tháng tuổi mới đạt khoảng 40 kg, như vậy tăng trọng bình quân mỗi tháng chưa được 4 kg. Trong vài năm tới, chúng ta phải phấn đấu để chỉ còn phải chi phí khoảng 4,5 đơn vị thức ăn tinh và 1,5 đơn vị thức ăn thô cho một kilôgam tăng trọng. Lại phải phấn đấu để nuôi đến 10 tháng tuổi đạt trọng lượng 50 kg cho một lợn thuộc giống nội (tức là tăng trọng bình quân một tháng 5 kg), 75 — 80 kg cho lợn lai (tăng trọng bình quân một tháng 7,5 — 8 kg). Như thế, để tăng năng suất nuôi lợn và giảm chi phí chăn nuôi, phải giải quyết được thường xuyên có

đủ thức ăn về số lượng và chất lượng, và phải đưa vào cơ cấu đàn lợn thịt của ta những giống lợn lai kinh tế theo nhiều công thức pha máu khác nhau thích hợp với khả năng thức ăn và điều kiện chăn nuôi từng vùng (ví dụ: trong vài năm tới, trong đàn lợn thịt phải có 50% là lợn lai kinh tế).

Hiệu quả kinh tế cuối cùng trong chăn nuôi lợn phải được thể hiện trên sản lượng thịt lợn hàng hóa so với tổng số lợn, nói một cách khác là số thịt sản xuất bình quân của một con lợn trong đàn. Hiện nay, mặc dù số lợn nái trong đàn còn chiếm một tỉ lệ cao (15%), nhưng số lợn thịt ra chuồng hằng năm chỉ bằng khoảng 80% số lợn thịt có mặt tại chuồng. Đó là do tốc độ tái sản xuất của lợn nái ta quá thấp: để bình quân một năm 1,5 lứa, mỗi lứa nuôi sống đến cai sữa 6 con; trong vài năm tới, bước đầu phải phấn đấu đưa số lứa đẻ bình quân của lợn nái lên 1,8 lứa/năm, mỗi lứa nuôi sống đến cai sữa 8 con; cho lợn con cai sữa sớm dưới 45 ngày tuổi (tất nhiên phải cho ăn thêm sớm). Ngoài ra, nên nuôi những giống lợn lai sinh trưởng nhanh thì đáng lẽ một năm chỉ nuôi được một lứa lợn thịt (xuất chuồng vào 12 tháng tuổi) sẽ nuôi được 1,5 lứa, rồi 2 lứa lợn thịt. Như thế, chi phí về thức ăn, giống, sức lao động, v.v... sẽ giảm, chuồng trại phải khấu hao ít hơn; mà thịt hàng hóa lại có chất lượng cao hơn (ví dụ: tỉ lệ nạc nhiều hơn).

Nói tóm lại, nếu áp dụng đầy đủ các tiến bộ kỹ thuật (thức ăn đủ, chọn giống tốt, phòng bệnh chu đáo) để tăng tốc độ sinh sản của lợn nái, tăng tỉ lệ lợn con để nuôi được, tăng lứa nuôi của lợn thịt trong một năm, tăng trọng lượng ra chuồng bình quân của một lợn thịt, thì không những giảm được số lợn nái phải nuôi (chỉ cần khoảng 10 — 11% toàn đàn) mà còn tăng được năng suất, giảm giá thành nuôi lợn thịt, tăng số lợn thịt ra chuồng hằng năm, tức là tăng nhanh được sản lượng thịt hàng hóa.

II — XÁC ĐỊNH NỘI DUNG CỦA CÁC TIẾN BỘ KỸ THUẬT VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN TỐT CÁC TIẾN BỘ KỸ THUẬT ĐÓ

1. **Thức ăn** là cơ sở của ngành chăn nuôi. Tăng nguồn thức ăn, tăng khối lượng và chất lượng thức ăn là điều kiện quyết định để phát triển đàn gia súc, tăng năng suất chăn nuôi, tăng chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Lênin đã nói: «Quá trình chăn nuôi không những là tăng số lượng mà còn là cải

tiền chất lượng, thay thế súc vật xấu bằng súc vật tốt, tăng thêm thức ăn v.v...» (tạp chí «Chăn nuôi» — Liên-xô, 1966, 4, 5 — 9). Ở một chỗ khác, Lênin cũng viết: «Trong những hàng «thâm canh hóa» (ở Mĩ), cỏ khô và thức ăn gia súc chiếm một phần rất quan trọng trong tổng giá trị thu hoạch hơn là những ngũ cốc» (Lênin — Toàn tập, tập 22, trang 43).

Công tác khoa học, kĩ thuật về thức ăn cho lợn phải theo hướng vận dụng những thành tựu khoa học, kĩ thuật về dinh dưỡng vào việc xây dựng những tiêu chuẩn khẩu phần đáp ứng nhu cầu sinh lí và sản xuất của các loại lợn ở nước ta; những thành tựu khoa học kĩ thuật về trồng trọt, chế biến và cơ giới hóa nông nghiệp vào việc tăng thêm nguồn thức ăn cho lợn (cả về khối lượng và chất lượng), đồng thời tạo ra những nguồn thức ăn mới. Thức ăn của lợn chủ yếu thuộc nguồn gốc thực vật; chúng ta phải khai thác những tiềm lực to lớn của khí hậu, đất đai nước ta để thỏa mãn phần lớn nhu cầu thức ăn cho lợn. Trên diện tích dành cho chăn nuôi (ví dụ: đất 5% của chăn nuôi tập thể và đất 5% để lại cho gia đình xã viên) và trong vụ dành để trồng cây thức ăn gia súc (ví dụ: vụ đông), cần bố trí những cơ cấu cây trồng, hệ thống luân canh đạt hiệu quả kinh tế cao, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất những cây sản có, đưa vào sản xuất những cây thức ăn mới, có giá trị và năng suất cao hơn. Từ trước, nông dân ta quen trồng những cây thức ăn ở nước (các loại rau, bèo), nay phải đưa vào cơ cấu cây thức ăn cho lợn những loại rau, đậu trồng ở đất khô có nhiều khả năng mở rộng diện tích, với những giống cây được chọn lọc có giá trị và năng suất cao (các loại cải, dưa, bầu, bí, các cây họ Đậu lấy hạt, thân, lá). Đối với những loại cây lương thực, cũng phải chọn những giống chuyên dùng làm thức ăn gia súc, thường có năng suất cao hơn, tuy không ngon bằng các giống dùng cho người (ngô răng ngựa, cao lương, khoai lang chuyên làm thức ăn gia súc).

Để dự trữ được thức ăn vào vụ thu hoạch dùng cho những tháng giáp vù trong năm, để tận dụng được những phụ phẩm, phế liệu của nông nghiệp (thân, lá, vỏ, cám, bã), của công nghiệp (thực phẩm, thủy sản, dược phẩm), để tạo những loại thức ăn hoàn chỉnh về các thành phần dinh dưỡng để sử dụng trong điều kiện chăn nuôi sản xuất lớn, v.v... phải đưa vào chăn nuôi lợn những tiến bộ kĩ thuật về chế biến thức ăn theo phương pháp cơ giới (thái, nghiền, trộn), theo phương pháp vật lí (phối, sấy), theo phương pháp hóa học và vi sinh vật học (ủ men, ủ tươi), theo phương

pháp chế tạo thức ăn phối hợp, thức ăn bổ sung, men... bằng đường công nghiệp.

Phải ban hành và chỉ đạo áp dụng những tiêu chuẩn khẩu phần cho các loại lợn, các giống lợn, nhằm phát huy hiệu suất của thức ăn, giảm chi phí thức ăn, hạ giá thành chăn nuôi lợn. Phải chú trọng áp dụng kĩ thuật cho ăn thích hợp với từng giống, từng loại lợn: phối hợp tinh và thô, dạng khô và dạng ướt, số bữa trong ngày, v.v...

Phải xây dựng những cơ sở vật chất và kĩ thuật cho việc sản xuất thức ăn (đất, lao động, vật tư kĩ thuật giống, chế biến thức ăn (nhà máy chế biến, các máy móc, công cụ chế biến cho nông trường, hợp tác xã); phải xây dựng hệ thống quản lí, phân phối thống nhất các nguồn thức ăn chính cho lợn để Nhà nước có thể thông qua khâu cung cấp thức ăn mà chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển chăn nuôi lợn.

Trong vài năm tới, phải đưa vào chăn nuôi lợn những tiến bộ kĩ thuật về giải quyết thức ăn sau đây:

a) Về sản xuất thức ăn, theo những công thức đã bước đầu kết luận cho từng vùng: vùng lúa, vùng rau màu, vùng đất bạc màu v.v..., với diện tích sản xuất tập trung và quay vòng 2,5 đến 3 lần có trồng xen (thường xen cây lương thực và cây họ Đậu), có tận dụng các phụ phẩm (thường là thân, dây, lá v.v...), với những loại cây lương thực lấy hạt (ngô, cao lương), lấy củ (khoai lang, khoai nước), các loại củ, quả khác (bí đỏ, đu đủ, dong, riềng), các loại rau ở đất khô (cải lá, cải củ, cải bắp, su hào), và trong công thức nào cũng có cây họ Đậu (lạc, đậu tương, đậu mè và các loại đậu khác), nói chung đều phải đạt khoảng 12 000 đơn vị thức ăn/ha/năm, với 70 — 100 g đạm tiêu hóa/đơn vị. Sử dụng số thức ăn này ở vùng thực phẩm (có phụ phẩm công nghiệp), có thể sản xuất được 1 000 — 1 200 kg thịt lợn hơi/ha, ở vùng đồng bằng: 800 — 1 000 kg, ở vùng trung du đất bạc màu: 500 — 800 kg.

Muốn thực hiện được tiến bộ kĩ thuật này, phải giải quyết các yêu cầu về giống, đất đai, phân bón, nước tưới, lao động, công cụ, v.v... nhất là đối với những cây mới. Đối với những diện tích chuyển từ trồng cây khác sang trồng cây thức ăn gia súc, phải tính hiệu quả kinh tế tăng thêm so với cơ cấu cây trồng cũ. Đối với những vụ tăng thêm (ví dụ cây thức ăn vụ đông, trồng xen, trồng gối cây thức ăn với cây khác) phải không được làm ảnh hưởng đến vụ chính và cây chính.

b) Về chế biến thức ăn, trước mắt đề nghị áp dụng trong sản xuất đại trà những phương pháp: dùng những giống men tốt cấy vào thức ăn để chuyển hóa một phần chất dinh dưỡng thành dễ tiêu hơn và làm cho thức ăn ngon miệng hơn (tăng hiệu suất sử dụng khoảng 10%); dùng các công cụ, máy móc thái, nghiền, trộn thức ăn làm cho lợn tận dụng được chất dinh dưỡng (tăng hiệu suất khoảng 10%); dùng các biện pháp ủ tươi, phơi khô để dự trữ thức ăn (yêu cầu tối thiểu dự trữ 6 tháng). Chăn nuôi lợn tập trung, yêu cầu một khối lượng thức ăn lớn có giá trị dinh dưỡng đầy đủ, được cung cấp đều đặn thường xuyên với cách cho ăn hàng loạt và sử dụng cơ khí, do đó các xí nghiệp thức ăn phối hợp chế biến theo phương pháp công nghiệp phải phục vụ trực tiếp cho các cơ sở chăn nuôi tập trung chuyên môn hóa (công suất 2 tấn/giờ, 5 tấn/giờ, v.v...).

Muốn thực hiện được tiến bộ kỹ thuật này, phải có hệ thống sản xuất và cung cấp các giống men tốt (theo dự kiến, ngoài những trạm nghiền cứu, chọn lọc, giữ và nhân giống men ở trung ương và tỉnh, mỗi huyện sẽ có 3 — 5 trạm nhân giống men); phải trang bị đủ các công cụ máy móc thái, nghiền, trộn thức ăn (dùng sức điện hay thủ công); phải đầu tư vào việc xây dựng hầm, hố ủ thức ăn; phải huấn luyện cho công nhân nông trường và xã viên hợp tác xã thành thạo về các kỹ thuật chế biến này. Phải thông qua công tác nghiên cứu, thực nghiệm khoa học mà xác định các công thức chế biến thức ăn phối hợp theo phương pháp công nghiệp cho các nhà máy, theo hướng tận dụng nguyên liệu trong nước; xác định các nguồn nguyên liệu: ngô, cám, khoai khô, khô dầu, bột cá, bột thịt, xương, các loại bã rượu, bã bia, bã mầm v.v... tổ chức tốt việc tập trung các nguồn nguyên liệu này giao cho một cơ quan có trách nhiệm thống nhất quản lý và phân phối.

c) Về nuôi dưỡng lợn theo tiêu chuẩn khâu phân có căn cứ khoa học, phải đặt thành kỷ luật sản xuất, trước hết ở trong các cơ sở sản xuất quốc doanh và tập thể, những qui trình nuôi dưỡng, những tiêu chuẩn khâu phân cho từng loại lợn và giống lợn (lợn nái, lợn thịt, lợn ngoại, lợn nội, lợn lai).

Muốn thực hiện được tiến bộ kỹ thuật này, phải ban hành những qui trình kỹ thuật nuôi dưỡng, tiêu chuẩn khâu phân cần thiết cho từng giống lợn và loại lợn. Các qui định này sẽ làm căn cứ cho các địa phương, các cơ sở chăn nuôi sử dụng các nguồn thức ăn địa phương để xây dựng các qui trình nuôi dưỡng,

tiêu chuẩn khâu phân cụ thể. Phải huấn luyện cho công nhân nông trường và xã viên hợp tác xã biết làm tốt cách chăn nuôi theo qui trình và cách xây dựng khâu phân theo tiêu chuẩn.

2. Công tác khoa học, kỹ thuật và giống lợn phải theo hướng vận dụng những thành tựu của khoa học di truyền, chọn giống để cải tạo những giống lợn của ta nhằm đạt những năng suất và phẩm chất dự kiến, đồng thời giữ vững và nâng cao những ưu điểm vốn có của giống trong nước. Trước hết, phải chọn lọc gây thành những giống lợn thuần chủng tốt của địa phương để làm « nền » (lợn đen như Ỉ, Mường-khương; lợn lang như Móng-cái, lang hồng); đồng thời chọn những giống lợn ngoại tốt, có khả năng cải tạo những nhược điểm của lợn ta, để nhập, nuôi thích nghi. Từ những giống lợn thuần chủng nội và ngoại đã được chọn lọc mà lai tạo, nhằm tăng năng suất thịt nhanh (lai kinh tế) hoặc tạo thành những giống lợn cải tiến của ta có những đặc tính cần thiết, theo những công thức lai tạo thích hợp. Tất nhiên, những lợn ngoại thuần chủng, lợn lai kinh tế, lợn giống cải tiến phải được chăn nuôi trong những điều kiện tốt (thức ăn, phòng bệnh) để giữ vững và không ngừng nâng cao ưu điểm của giống mới. Lại phải áp dụng những kỹ thuật phối giống tiên tiến, cụ thể là kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, có tác dụng phát huy những ưu điểm của các dòng và giống tốt, tăng hiệu suất đẻ giống, tăng tỉ lệ sinh sản của lợn nái, bảo đảm phòng tránh bệnh tật v.v... Trong chăn nuôi sản xuất lợn, đàn lợn giống phải thuộc khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa (quốc doanh và tập thể) để có điều kiện cải tạo giống nhanh và chỉ đạo sự phát triển của toàn đàn lợn về số lượng và chất lượng. Nhà nước phải xây dựng chế độ và hệ thống cơ sở quản lý giống. Cần ban hành các chế độ sử dụng lợn giống, qui trình kỹ thuật phối giống, thụ tinh nhân tạo, tiêu chuẩn giám định từng giống lợn hiện có, so sánh theo dõi lợn giống (đực, cái) bằng sổ đăng ký những con giống tốt của Nhà nước và của từng địa phương. Xây dựng hệ thống cơ sở quản lý giống lợn, bao gồm các trại giống, trạm thụ tinh nhân tạo từ trung ương đến nông trường, hợp tác xã.

Trong vài năm tới, phải đạt mục tiêu: lợn nuôi ở các cơ sở quốc doanh và tập thể đều thuộc giống tốt (ví dụ: lợn nái từ cấp II trở lên chiếm 70%, tất cả lợn đực phải từ cấp I trở lên, lợn thịt lai kinh tế chiếm 50%); chăn nuôi gia đình cũng phải sử dụng giống tốt đến một tỉ lệ nhất định. Giống tốt phải hiểu là

giống có năng suất cao (trong thời gian nuôi ngắn), có sức chống đỡ khá với bệnh tật, giá thành sản xuất hạ (chi phí cho một kilôgam thịt hơi). Phải phân vùng, vùng nào nuôi giống lợn nào (lợn ngoại, lợn nội, lợn lai kinh tế 1/2, hay 1/4, hay 3/4 máu ngoại), với những trại giống, trạm thụ tinh nhân tạo bố trí một cách thích hợp. Phải thực hiện các định mức kinh tế — kĩ thuật cho từng loại lợn và giống lợn về các mặt năng suất sinh sản, mức tăng trọng lượng, giá thành sản phẩm.

Muốn thực hiện được những tiến bộ kĩ thuật trên đây, phải xây dựng hệ thống quản lí giống lợn của Nhà nước có nhiệm vụ chọn lọc giống, cung cấp giống theo từng bậc, ví dụ: trung ương chọn lọc đầu dòng (nội, ngoại thuần chủng) gây thành giống gốc, phát giống gốc cho tỉnh và định kì thay giống gốc tốt cho tỉnh; — tỉnh giữ giống gốc, gây thành giống sinh sản phát cho huyện; — huyện giữ giống sinh sản, nhân thành giống thương phẩm phát cho hợp tác xã (một số hợp tác xã trọng điểm cũng làm nhiệm vụ giữ giống sinh sản nhân thành giống thương phẩm). Hệ thống giống này có quan hệ với hệ thống thụ tinh nhân tạo và hệ thống lợn thịt, làm thế nào để trong huyện tự túc được lợn con giống nuôi thịt. Tất nhiên các cơ sở trong hệ thống giống phải triệt để tôn trọng các qui trình, tiêu chuẩn về nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh, để bảo đảm giữ được và không ngừng nâng cao phẩm chất giống.

Ngay từ bây giờ, phải xây dựng và thực hiện các chế độ về đăng kí, quản lí, kiểm tra giống; tổ chức các cuộc thi giống, triển lãm giống thường xuyên để khuyến khích sử dụng giống tốt và chọn giống tốt thay thế dần các giống xấu. Phải áp dụng những tiến bộ kĩ thuật về thụ tinh nhân tạo (qui trình kĩ thuật, sử dụng môi trường pha chế thích hợp, củng cố mạng lưới dẫn tinh viên,...) nhằm đạt: một lợn đực một năm phối giống được 200 — 300 nái, tỉ lệ thụ thai 80 — 85%; phần đầu trong một thời gian ngắn nhất thanh toán tình trạng lợn con nhảy lợn mẹ. Đào tạo đủ cán bộ và công nhân kĩ thuật cho hệ thống giống và thụ tinh nhân tạo.

3. Công tác khoa học, kĩ thuật về phòng trừ dịch bệnh cho lợn phải theo hướng vận dụng khoa học thú y vào việc xác định những qui luật dịch bệnh của lợn và sự chống đỡ với dịch bệnh của các giống lợn ở ta, từ đó mà đề ra những biện pháp và những tổ chức phòng trừ dịch bệnh có hiệu lực, nhằm khống chế tiến tới tiêu diệt những bệnh tác hại nhất cho lợn. Các giống lợn càng được cải tiến

thì yêu cầu phòng trừ dịch bệnh càng phải nghiêm ngặt hơn, như Lenin đã nhận xét: «Các giống cây trồng và súc vật cũ do quá trình đào thải tự nhiên tạo ra thì dần dần được thay thế bằng các giống» «cao quý» hơn, do sự đào thải nhân tạo tạo ra. Cây cối và động vật... đòi hỏi phải được chăm nom nhiều hơn... Do những phương tiện giao thông hiện nay, nạn dịch tế lan tràn một cách nhanh chóng phi thường» (Lenin — Toàn tập, tập 4, trang 189).

Theo phương châm «phòng bệnh là chính, chữa bệnh kịp thời», phải coi trọng các biện pháp vệ sinh phòng bệnh và phát hiện bệnh sớm, nhất là trong điều kiện chăn nuôi tập trung chuyên môn hóa. Phải chuẩn bị mọi mặt để đối phó với những bệnh có thể phát sinh trong điều kiện chăn nuôi mới, với những giống mới, những loại thức ăn mới; phải cải tiến các kĩ thuật chế tạo và sử dụng thuốc, kết hợp với những kinh nghiệm chữa bệnh của nhân dân; phải thực hiện toàn diện các biện pháp thú y: áp dụng điều lệ của Nhà nước, thực hiện vệ sinh phòng bệnh, kiểm dịch, kiểm soát sát sinh tiêm phòng, chữa bệnh. Phải xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật, xây dựng mạng lưới thú y từ trung ương đến cơ sở.

Trong vài năm tới, trước hết phải áp dụng triệt để những biện pháp phòng trừ dịch bệnh cho lợn đã được ghi trong nghị định số 111 — CP ngày 23-7-1963 của Hội đồng Chính phủ theo các mục tiêu dự kiến như sau: thanh toán bệnh dịch tả lợn trong vòng 4 năm; thanh toán bệnh suyễn lợn trong vòng 5 năm ở các cơ sở giống lợn; hạn chế các bệnh đóng dấu lợn, tụ huyết trùng, phó thương hàn, trùng xoắn, lợn con ỉa cứt trắng; giảm tác hại các bệnh giun sán (giun đũa, sán lá ruột), các bệnh suy dinh dưỡng, các bệnh sản khoa; ngăn ngừa nhập vào ta các bệnh mới (sây thai truyền nhiễm, dịch tả lợn châu Phi); ngăn ngừa các bệnh từ lợn lây sang người (giun bao, gạo lợn). Đối với các mục tiêu này, phải thực hiện ở khắp nơi, ở cả các cơ sở chăn nuôi quốc doanh, tập thể và gia đình, nhưng phải chú trọng các vùng chăn nuôi tập trung như vùng thực phẩm, vùng xuất khẩu (bệnh dịch tả lợn); các cơ sở giống của Nhà nước và các vùng giống của nhân dân (bệnh suyễn); các vùng biên giới (bệnh sây thai truyền nhiễm).

Muốn thực hiện được những tiến bộ kĩ thuật trên đây, phải thi hành những biện pháp mạnh mẽ và đồng bộ. Xây dựng và thực hiện các qui trình kĩ thuật về vệ sinh phòng

bệnh cho các cơ sở chăn nuôi tập trung (quốc doanh và tập thể), bao gồm các qui định về vệ sinh chuồng trại, ăn uống, tiêm phòng, tẩy giun sán v.v... Đặc biệt, các cơ sở giống phải thực hiện chế độ kiểm tra định kỳ và toàn diện về bệnh tật và sức khỏe để bảo đảm tuyệt đối an toàn về dịch bệnh. Phải bổ sung và ban hành những văn bản pháp chế cần thiết như thể lệ kiểm dịch xuất nhập khẩu và nội địa, thể lệ sát sinh; ban hành những văn bản pháp chế trong ngành về chẩn đoán xét nghiệm, chế thuốc và sử dụng thuốc; ban hành những điều lệ cụ thể về phòng trừ những bệnh tác hại nhất như dịch tả lợn, suyễn lợn, sảy thai truyền nhiễm. Đối với những bệnh đối tượng của công tác thanh toán và hạn chế, ví dụ dịch tả lợn, suyễn lợn, đốm đầu lợn, trùng xoắn,... cần xây dựng thành kế hoạch riêng, có mục tiêu phân đấu, có chủ trương biện pháp khoa học kỹ thuật và các bước tiến hành, có sự phân công phối hợp giữa các ngành, các cấp, có các điều kiện tổ chức thực hiện về cán bộ, cơ sở vật chất, v.v... Phải thống nhất và củng cố hệ thống thú y từ trung ương đến địa phương; hệ thống thú y phải quản lý và kiểm tra thống nhất và toàn diện các loại dịch bệnh và phong trào phòng bệnh, công tác chống dịch, phải quản lý lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật và các cơ sở vật chất cần thiết cho công tác thú y. Chấn chỉnh công tác đào tạo và sử dụng cán bộ thú y để có đủ khả năng thực hiện chức trách của mình; đào tạo đủ cán bộ chuyên môn cho các yêu cầu mới (các bệnh mới, các phương pháp kỹ thuật mới, các dụng cụ thiết bị mới). Sản xuất đủ thuốc cho yêu cầu phòng trừ dịch bệnh: các loại vắc xin cho việc tiêm phòng định kỳ đối với các loại bệnh truyền nhiễm phải thanh toán và hạn chế; các loại thuốc tẩy giun sán và chữa các bệnh thông thường; các chế phẩm dùng cho chẩn đoán xét nghiệm; các loại thuốc phòng bệnh để trộn vào thức ăn. Tổ chức xưởng sản xuất dụng cụ thú y (ống kim tiêm, kim tiêm, dụng cụ thụ tinh nhân tạo...) theo tiêu chuẩn mỗi cán bộ thú y cấp nào phải có bao nhiêu các loại dụng cụ gì.

4. Công tác khoa học, kỹ thuật về **chuồng trại** phải theo hướng đáp ứng những yêu cầu về vệ sinh gia súc, bảo đảm sinh trưởng bình thường cho con vật, tận thu phân và nước giải, thuận tiện cho cơ giới hóa, tăng năng suất lao động, thích hợp với những nguyên liệu, vật liệu địa phương và tiết kiệm đất xây dựng.

Trong vài năm tới, phải phổ biến trong sản xuất những mẫu chuồng và khu trại chăn nuôi

thích hợp với điều kiện khí hậu, đất đai từng vùng, với từng điều kiện chăn nuôi (chăn nuôi tập trung của quốc doanh, hợp tác xã 5 000, 10 000 lợn và hơn nữa, chăn nuôi gia đình), bảo đảm điều kiện sinh trưởng thuận lợi cho từng loại lợn (lợn nội, lợn ngoại, lợn lai, nuôi theo từng qui mô). Phải ban hành các mẫu chuồng và khu trại tiêu chuẩn để làm căn cứ cho các địa phương tự thiết kế lấy chuồng, trại theo các điều kiện cụ thể của mình. Phải xây dựng tổ chức chuyên trách chỉ đạo việc xây dựng chuồng trại theo đúng những qui định của Nhà nước; có chính sách cho vay vốn trừ dần và cung cấp nguyên liệu vật liệu cho việc xây dựng chuồng trại.

5. Công tác khoa học, kỹ thuật về **Công cụ** dùng trong chăn nuôi lợn phải theo hướng trang bị đồng bộ những công cụ, máy móc bảo đảm tăng năng suất lao động, hạ giá thành chăn nuôi, chú trọng trước hết những khâu chiếm nhiều sức lao động và nặng nhọc nhất.

Trong vài năm tới, phải phổ biến trong sản xuất những mẫu công cụ, máy móc đã được thông qua khảo nghiệm và bước đầu ứng dụng trong sản xuất chứng minh là đạt hiệu quả phục vụ cho việc thực hiện các qui trình kỹ thuật chuyên môn, tăng năng suất lao động, hạ giá thành chăn nuôi. Chú trọng trước hết những loại công cụ như: công cụ, máy móc để thái, nghiền, trộn thức ăn, để làm vệ sinh chuồng trại, để vận chuyển, v.v... tiến tới trang bị đồng bộ theo hướng cơ khí hóa và từng bước tự động hóa.

III - CẢI TIẾN TỔ CHỨC SẢN XUẤT CHĂN NUÔI, BẢO ĐẢM ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT MỚI

Muốn thực hiện được những tiến bộ kỹ thuật nêu trên đây, phải cải tiến tổ chức sản xuất chăn nuôi, thực hiện những chính sách khuyến khích cải tiến kỹ thuật, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới.

Tổ chức chăn nuôi sản xuất lợn phải theo hướng tập trung, chuyên môn hóa trên cơ sở phân vùng và qui hoạch vùng sản xuất.

1. Chăn nuôi tập trung là một đặc điểm của ngành chăn nuôi sản xuất lớn. Chăn nuôi sản xuất nhỏ có nhược điểm là phân tán ra hàng triệu nông hộ, do đó không có điều kiện áp dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến để tăng năng suất, hạ giá thành chăn nuôi; lại nặng tính chất tự cấp tự túc, không tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa. Hiện nay, chăn nuôi quốc doanh mới chiếm 0,7% đàn lợn; chăn nuôi tập thể 10%. Trong vài ba năm tới, chăn nuôi

quốc doanh và chăn nuôi tập thể phải chiếm khoảng 30% rồi tăng hơn nữa. Đàn lợn nái trước đây phần rất lớn do gia đình xã viên nuôi, nay phải tập trung vào các cơ sở quốc doanh và tập thể để có điều kiện chọn giống tốt, cung cấp những lợn con tốt nuôi thịt nhằm tăng năng suất thịt nhanh và hạ giá thành (ví dụ trong vài ba năm tới, phải đưa đàn lợn nái quốc doanh và tập thể chiếm 50% tổng số lợn nái).

Khi xác định qui mô của chăn nuôi tập trung thuộc khu vực quốc doanh và tập thể, phải xem xét nhiều mặt: khả năng về thức ăn, giống, chuồng trại và các vật tư kĩ thuật khác (mức đầu tư); trình độ quản lí, trình độ tổ chức và sử dụng lao động; mối quan hệ giữa sản xuất với thị trường trong nước (ví dụ: vùng thực phẩm) hay nước ngoài (ví dụ: vùng xuất khẩu). Và tất nhiên không coi nhẹ chăn nuôi gia đình vì khu vực chăn nuôi này hiện đang cung cấp phần rất lớn thịt lợn cho nhu cầu xã hội, phân bón cho trồng trọt; lại tận dụng được sức lao động phụ, các loại thức ăn thừa... hiện còn rất dồi dào ở nông thôn ta.

Đồng chí Lê Duẩn đã chỉ thị cho chúng ta: «Không nên hiểu đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính là không coi trọng chăn nuôi gia đình nữa. Trái lại phải phát triển chăn nuôi gia đình và làm cho nó gắn liền với phương thức chăn nuôi lớn, với sự giúp sức của Nhà nước về giống và thức ăn» (Báo Nhân dân, ngày 28-12-1973).

2. Chăn nuôi chuyên môn hóa phải được tổ chức trên cơ sở phân vùng và qui hoạch vùng sản xuất. Ví dụ: có những vùng thực phẩm chuyên cung cấp thịt, mỡ cho thành phố, khu công nghiệp; vùng xuất khẩu cung cấp thịt cho ngoại thương, v.v... Lại phải tính đến mối quan hệ cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi trong từng vùng. Ví dụ: ở vùng thâm canh lúa, cần chú trọng sự cân đối giữa trồng lúa và chăn nuôi lợn, thể hiện ở mối quan hệ giữa mục tiêu 5 tấn thóc/hect ta hai vụ và 2 lợn/ha gieo trồng; ở vùng thực phẩm, cần chú trọng khâu qui hoạch sử dụng đất đai, dành đất để sản xuất đủ thức ăn làm cơ sở vững chắc cho phát triển chăn nuôi; ở vùng kinh tế mới, cần chú trọng bố trí cân đối trồng trọt chăn nuôi ngay từ khi qui hoạch: cân đối giữa phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi trâu, bò,

lợn; cân đối giữa trồng hoa màu tập trung và phát triển nuôi lợn để có phân bón cho hoa màu, lại có một phần hoa màu và dùng phụ phẩm của công nghiệp chế biến hoa màu để phát triển nuôi lợn.

Chuyên môn hóa chăn nuôi lợn phải thể hiện trong việc tổ chức lao động chuyên môn hóa đi đôi với tổ chức sản xuất chuyên môn hóa, cụ thể là tổ chức phân đàn, phân loại lợn một cách hợp lí nhất để việc chăn nuôi đạt năng suất sản phẩm cao, năng suất lao động cao, với giá thành hạ. Trong những xí nghiệp sản xuất theo qui trình công nghiệp (ví dụ: xí nghiệp chế biến thức ăn), trong những cơ sở kĩ thuật do Nhà nước quản lí (trại giống, trạm thụ tinh nhân tạo, trạm thú ý, v.v...), chuyên môn hóa lao động là khâu quan trọng nhất. Trong các nông trường, hợp tác xã, cũng phải chuyên môn hóa lao động bằng cách phân thành từng tổ, đội chuyên môn và có biện pháp nâng cao trình độ, rèn luyện tay nghề cho công nhân và xã viên: tổ chuyên môn nuôi lợn nái và sản xuất lợn giống, tổ chuyên nuôi lợn thịt, tổ chuyên sản xuất, chế biến thức ăn v.v... (có những yêu cầu về qui trình kĩ thuật cho từng loại lợn: lợn nái, lợn thịt, lợn giống nội, giống ngoại, giống lai, v.v... mà người lao động phải được rèn luyện để nắm vững và thực hiện tốt). Việc tổ chức lao động chuyên môn hóa phải gắn liền với tổ chức quản lí chăn nuôi đàn lợn, nhằm bảo đảm cho từng con lợn và toàn đàn lợn đều được quản lí, chăm sóc hằng ngày một cách đầy đủ.

4. Phải có những chính sách thích hợp khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao trình độ khoa học, kĩ thuật và nghiệp vụ quản lí của mình, nhiệt tình áp dụng những tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất: chính sách thù lao, khen thưởng cho việc áp dụng kĩ thuật mới và sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư mới; chính sách đầu tư vốn, tạo các điều kiện vật chất để áp dụng khoa học kĩ thuật mới; chính sách giá cả, thu mua nhằm khuyến khích làm ra những sản phẩm có chất lượng cao do áp dụng khoa học, kĩ thuật mới, v.v...

Trên cơ sở cải tạo cơ cấu chăn nuôi và cải tiến tổ chức quản lí chăn nuôi, việc đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kĩ thuật sẽ có tác dụng quyết định tăng năng suất chăn nuôi và tăng sản phẩm hàng hóa.